

Số: 07/2025/QĐST-HNGĐ

Tân Phú, ngày 02 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 973/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1980;
 - Ông Trịnh Lưu Q, sinh năm 1964;
- Cùng địa chỉ: 8 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trịnh Thị H và ông Trịnh Lưu Q cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ghi nhận.

[2] *Về quan hệ con chung:* Hai bên xác nhận có 02 (hai) con chung tên Trịnh Thiện T, sinh ngày 06/02/2004 và Trịnh Thanh T1, sinh ngày 01/7/2012. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận giao con chung tên Trịnh Thanh T1 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Q do bà H không yêu cầu. Đối với con chung tên Trịnh Thiện T, sinh ngày 06/02/2004 đã trưởng thành và phát triển bình thường về mọi mặt nên bà H và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về tài sản chung:* Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Hai bên xác nhận không có.

[5] *Về lệ phí Tòa án:* Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi ngày 01/7/2010 thì ông Q là người cao tuổi (trên 60 tuổi); Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì ông Q thuộc trường hợp được miễn án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm. Do đó, ông Q không phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Bà Trịnh Thị H phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được cân trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0045443 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. H1 lại cho bà H số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai trên. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị H và ông Trịnh Lưu Q cùng thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 134, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/12/2002 chấm dứt kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Thanh T1, sinh ngày 01/7/2012 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Trịnh Lưu Q do bà H không yêu cầu. Đối với con chung tên Trịnh Thiện T, sinh ngày 06/02/2004 đã trưởng thành và phát triển bình thường về mọi mặt nên bà H và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trịnh Lưu Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội L), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về lệ phí:

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi ngày 01/7/2010 thì ông Q là người cao tuổi (trên 60 tuổi); Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì ông Q thuộc trường hợp được miễn án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm. Do đó, ông Q không phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Bà Trịnh Thị H phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0045443 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. H1 lại cho bà H số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai trên.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA.DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kiều Oanh